Danh sách Mã CITAD của các Ngân hàng trên cổng thanh toán liên ngân hàng

STT	MÃ VÙNG	MÃ CITAD NGÂN HÀNG	TÊN NGÂN HÀNG	TÊN GỌN
1	01	01101014	Ngân hàng Nhà nước Sở giao dịch	
2	01	01201001	Ngân hàng TMCP Công thương VN	VietinBank
3	01	01202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV
4	01	01203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCB)	VCB
5	**01**	**01204009**	**Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Trung tâm thanh toán**	**Agribank**
6	01	**01204009**	Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam	Agribank
7	01	01207001	Ngân hàng Chính sách xã hội VN	NH Chính sách xã hội VN
8	01	01208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VDB
9	01	01302001	Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN	MSB
10	79	79303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank
11	79	79304001	Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki Hội sở chính	Vikki Bank
12	79	79305001	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu	Eximbank
13	01	01306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	NamAbank
14	79	79307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB
15	79	79308001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	SAIGON BANK
16	01	01309001	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPBank/Cake by VPBank
17	01	01310001	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Techcombank/TCB
18	01	01311001	Ngân hàng TMCP Quân đội	MBBank

19	01	01313007	Ngân hàng TMCP Bắc Á - Hội sở chính	Bac A Bank
20	40	40313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Hà Nội	Bac A Bank
21	79	79314013	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VIB
22	01	01317001	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	SeAbank
23	01	01319001	Ngân hàngTNHH MTV Việt Nam Hiện đại CN Hà Nội	MBV Bank
24	79	79319002	Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện đại CN TP.HCM	MBV Bank
25	79	79320001	Ngân hàng TM TNHH MTV Kỷ Nguyên Thịnh Vượng (GPBank) - Chi nhánh TP.HCM	GPBank
26	79	79321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố HCM	HDBank
27	01	01323002	Ngân hàng TMCP An Bình - Hội sở chính	ABBank
28	79	79327001	Ngân hàng TMCP Bản Việt - Viet Capital Bank	BVBank
29	79	79333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	OCB
30	79	79334001	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn	SCB
31	79	79339002	Ngân hàng TM TNHH MTV Ngoại thương Công nghệ số (tên cũ Ngân hàng TM TNHH MTV Xây Dựng Việt Nam)	Vietcombank Neo
32	01	01341001	Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và phát triển	PGBank
33	01	01348002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	SHB
34	01	01352002	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	NCB
35	79	79353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLongBank
36	01	01355002	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietABank
37	79	79356001	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	VietBank

38	01	01357001	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	LPBANK
39	01	01358001	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPBank
40	01	01359001	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank
41	01	01360002	Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Pvcombank
42	01	01401001	Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	NAPAS Hà Nội
43	01	01501001	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam Hội sở chính	Public Bank Viet Nam
44	79	79502001	Ngân hàng TNHH Indovina	INDOVINA BANK
45	01	01505001	Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga	VRB
46	79	79600001	Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited CN THCM	
47	79	79601001	Ngân hàng BPCE IOM Chi nhánh TP.HCM	BPCE IOM
48	01	01602002	Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	ANZ
49	79	79603001	Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Hong Leong Việt Nam	Hong Leong Vietnam
50	01	01604001	Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam	STANDARD CHARTERED
51	01	01605001	Ngân hàng CITIBANK VIỆT NAM - CN Hà nội	CITIBANK
52	75	75606001	Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank.Ltd - CN Đồng Nai	SCSB
53	01	01608001	Ngân hàng First Commercial Bank CN - CN Hà Nội	FIRSTBANK
54	01	01609001	Ngân hàng Malayan Banking Berhad - CN Hà Nội	Maybank Hanoi
55	79	79611001	Ngân hàng China Construction Bank Corporation - CN TP HCM	China Construction Bank

56	79	79612001	Ngân hàng TNHH Bangkok Bank - CN TP HCM	BangkokBank
57	01	01612001	Ngân hàng TNHH Bangkok Bank - CN HÀ NỘI	Bangkok Bank
58	01	01613001	Ngân hàng MIZUHO BANK,Ltd - CN Hà nội	MIZUHO
59	79	79614001	Ngân hàng BNP PARIBAS - CN TP Hồ Chí Minh	BNP PARIBAS HCM
60	79	79615001	Ngân hàng Bank of Communications Co;Ltd- CN TP Hồ Chí Minh	BOCOM
61	79	79616001	Ngân hàng Shinhan Bank Việt Nam - Hội sở chính	SHINHAN
62	79	79617001	Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Hội sở chính	HSBC
63	01	01617001	Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - CN Hà Nội	HSBC
64	79	79619001	Ngân hàng DEUTSCHE BANK TP HCM	DEUTSCHEBANK
65	79	79620001	Ngân hàng BANK OF CHINA (Hong Kong) Limited CN HCM	BANK OF CHINA
66	79	79622001	Ngân hàng MUFG Bank - Chi nhánh Hồ Chí Minh	MUFG CN HCM
67	79	79623001	Ngân hàng Mega ICBC (Mega International Commercial Bank)	Mega ICBC
68	79	79625001	Ngân hàng Oversea - Chinese Banking	OCBC
69	01	01626001	Ngân hàng KEB HANA Bank - CN Hà Nội	KEB Hana CN HCM
70	79	79627001	Ngân hàng JPMorgan Chase N.A Chi nhánh TP HCM	JPMorgan VN
71	79	79629001	Ngân hàng TNHH CTBC (Chinatrust Commercial Bank)	CTBC VN
72	79	79630001	Ngân hàng First Commercial Bank - CN TP Hồ Chí Minh	FIRSTBANK
73	79	79631001	Ngân hàng Kookmin CN TP Hồ Chí Minh	KB HCM

74	79	79632001	Ngân hàng SinoPac CN TP HCM	SinoPac
75	79	79634001	Ngân hàng Cathay United Bank	Cathay
76	79	79635001	Ngân hàng Malayan Banking Berhad TP.Hồ Chí Minh	Maybank HCMC
77	79	79636001	Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corpor TP HCM	Sumitomo Mitsui Banking Corpor
78	01	01636001	Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation Hà Nội	Sumitomo Mitsui Banking Corpor
79	01	01638001	Ngân hàng ĐT&PT Campuchia CN Hà Nội	BIDC
80	79	79639001	Ngân hàng Mizuho Bank,Ltd	MIZUHO
81	79	79640001	Ngân hàng HuaNan - HuaNan Commercial Bank	HuaNan - HuaNan Commercial Bank
82	79	79641001	Ngân hàng Công nghiệp Hàn Quốc - tại TP HCM	IBK Hochiminh
83	01	01642001	Ngân hàng Taipei Fubon CN Hà Nội	Taipei Fubon
84	79	79648001	Ngân hàng ĐT&PT Campuchia CN TP Hồ Chí Minh	BIDC
85	01	01649001	Ngân hàng ICB of China (Ngân hàng Công thương Trung Quốc) - CN Hà Nội	ICBC
86	79	79650001	Ngân hàng DBS Bank Ltd CN TP Hồ Chí Minh	DBS Bank Ltd
87	79	79651001	Ngân hàng thương mại Taipei Fubon - CN TP Hồ Chí Minh	Taipei Fubon
88	01	01652001	Ngân hàng Công nghiệp Hàn Quốc - tại Hà Nội	IBK Hà nội
89	01	01653001	Ngân hàng MUFG Bank - Chi nhánh Hà Nội	MUFG CN HA NOI
90	79	79654001	Ngân hàng CITIBANK VIỆT NAM - CN TP Hồ Chí Minh	CITIBANK
91	74	74655001	Ngân hàng Taipei Fubon CN Bình Dương	Taipei Fubon

92	79	79656001	Ngân hàng KEB Hana Bank - CN Hồ Chí Minh	KEB Hana CN Hà Nội
93	01	01657001	Ngân hàng BNP Paribas - CN Hà Nội	BNP PARIBAS HN
94	75	75658001	Ngân hàng TNHH E.SUN CN Đồng Nai	E.Sun Bank
95	79	79659001	Ngân hàng Bank of India CN TP Hồ Chí Minh	Bank of India
96	79	79660001	Ngân hàng Busan	BNK
97	01	01661001	Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam	CIMB
98	01	01662001	Ngân hàng NONGHYUP - Chi nhánh HN	NONGHYUP
99	01	01663001	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	WOORI BANK
100	01	01664001	Ngân hàng Agricultural Bank of China Limited Chi nhánh Hà Nội	Agricultural Bank of China
101	79	79665001	Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank Việt Nam	UOB Vietnam
102	01	01666001	Ngân hàng Kookmin Chi nhánh Hà Nội	KB HN
103	79	79668001	Ngân hàng IM CN TP Hồ Chí Minh	
104	79	79669001	Ngân hàng Đại Chúng TNHH Kasikornbank - CN HCM	Kasikornbank - CN HCM
105	01	01701001	Kho Bạc Nhà nước	
106	01	01901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam (Co-opbank)	Coopbank